

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2725/2022/DS-ST

Ngày: 20/7/2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Phụng
2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 690/2021/TLST-DS ngày 24/11/2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3180/2022/QĐXXST-DS ngày 24/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4135/2022/QĐST-DS ngày 22/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Quốc K, sinh năm 1966

Địa chỉ: 86 Bàn Cờ, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn:

- 2.1 Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968
- 2.2 Ông Ngô Phước A, sinh năm 1991
- 2.3 Bà Ngô Thị Bích T, sinh năm 1993.
- 2.4 Ông Ngô Văn D, sinh năm 1995

Cùng địa chỉ: 26/4 đường X, khu phố Y, phường H, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Bà L, ông A, bà T, ông D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Bùi Quốc K trình bày:

Vào ngày 14/6/2017, ông Bùi Quốc K có cho bà Ngô Thị Bích T, ông Ngô Văn D, bà Nguyễn Thị L và ông Ngô Phước A vay số tiền 157.000.000 đồng; thời hạn trả tiền là ngày 13/9/2018, lãi suất 0,1%/ ngày. Khi vay tiền giữa các bên có lập Hợp đồng kiêm giấy nợ ngày 14/6/2017 (giấy tờ tay).

Sau khi vay tiền, bà Ngô Thị Bích T, ông Ngô Văn D, bà Nguyễn Thị L và ông Ngô Phước A đã trả cho ông K số tiền gốc là 27.000.000 đồng vào ngày 14/7/2017 và đã trả số tiền lãi cho ông K là 16.000.000 đồng sau đó ngưng không trả tiền cho ông K như thỏa thuận. Ông K đã nhiều lần yêu cầu bà T, ông D, bà L và ông A trả cho ông K số tiền gốc cũng như tiền lãi nhưng không có kết quả.

Vì vậy, ông K khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

Buộc bà Ngô Thị Bích T, ông Ngô Văn D, bà Nguyễn Thị L và ông Ngô Phước A phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông K số tiền gốc là 130.000.000 đồng, tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm, cụ thể tính từ 14/7/2017 đến ngày 20/7/2022 là $130.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 60 \text{ tháng} = 130.427.397 \text{ đồng}$ – 16.000.000 đồng = 114.427.397 đồng; tổng cộng số tiền là 244.427.397 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh sau ngày 20/7/2022 cho đến khi bà T, ông D, bà L, ông A trả hết số nợ gốc.

Ngoài ra ông K không có yêu cầu gì thêm, số tiền ông K cho bà T, ông D, bà L, ông A vay là của riêng ông, không liên quan đến người khác.

Bị đơn bà Ngô Thị Bích T, ông Ngô Văn D, bà Nguyễn Thị L, ông Ngô Phước A: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập bà T, ông D, bà L, ông A đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bà T, ông D, bà L, ông A vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, vẫn còn vi phạm điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và

nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 15/11/2021 và tài liệu, chứng cứ kèm theo của ông Bùi Quốc K, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, được pháp luật quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ số 26/4 đường X khu phố Y, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả xác minh tình trạng cư trú của bị đơn tại biên bản xác minh ngày 12/4/2022 của Công an phường H, thành phố Thủ Đức như sau: *“03 nhân khẩu Ngô Văn D, Ngô Thị Bích T, Ngô Phước A có hộ khẩu thường trú tại 26/4 đường X, khu phố Y, phường H, thành phố T nhưng không cư trú tại địa chỉ trên, nhà bán từ tháng 9/2017. Nhân khẩu Nguyễn Thị L không đăng ký thường trú hay tạm trú tại địa chỉ trên”*. Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã yêu cầu ông Bùi Quốc K cung cấp nơi cư trú hiện nay của các bị đơn, ông K trình bày ông đã ghi đúng địa chỉ mà bị đơn cung cấp tại Hợp đồng kiêm giấy nợ ngày 14/7/2017, ngoài địa chỉ trên ông không biết địa chỉ nào khác của bị đơn do đó không thể cung cấp cho Tòa án địa chỉ cư trú hiện nay của bị đơn; nguyên đơn cho rằng bị đơn cố tình che giấu địa chỉ nơi cư trú nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, nên yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục chung được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Hội đồng xét xử nhận thấy, theo Khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 *“Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của người bị kiện quy định tại điểm d khoản 4 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là địa chỉ của người bị kiện đã từng cư trú mà người khởi kiện biết được gần nhất tính đến thời điểm khởi kiện và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm a Khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 để giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[1.3]. Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng

mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn và bị đơn đều không có yêu cầu áp dụng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của nguyên đơn :

Căn cứ lời khai của phía nguyên đơn cùng Hợp đồng kiêm giấy nợ ngày 14/6/2017 do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định vào ngày 14/6/2017 nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 157.000.000 đồng. Sau khi vay tiền, bị đơn đã trả được cho nguyên đơn số tiền gốc 27.000.000 đồng, tiền lãi 16.000.000 đồng.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ chứng minh về việc đã thanh toán đầy đủ cho nguyên đơn số tiền nợ trên. Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của phía nguyên đơn, có cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng.

Ngoài ra nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm trên số tiền nợ gốc 130.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 14/7/2017 đến ngày xét xử là: 130.000.000 đồng x 60 tháng 6 ngày x 20%/năm – 16.000.000 đồng = 114.427.397 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 21/7/2022 cho đến khi bị đơn thanh toán hết nợ gốc theo mức lãi suất 20%/năm. Xét mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 130.000.000 đồng, tiền lãi 114.427.397 đồng, tổng cộng số tiền 244.427.397 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 21/7/2022 cho đến khi bị đơn thanh toán hết nợ gốc theo mức lãi suất 20%/năm.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 12.221.370 đồng bị đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Khoản 1 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Quốc K.

Buộc bà Ngô Thị Bích T, ông Ngô Văn D, bà Nguyễn Thị L, ông Ngô Phước A có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Bùi Quốc K số tiền 244.427.397 (hai trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi bảy ngàn ba trăm chín mươi bảy) đồng, trong đó nợ gốc là 130.000.000 đồng, nợ lãi là 114.427.397 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 21/7/2022 cho đến khi bà Ngô Thị Bích T, ông Ngô Văn D, bà Nguyễn Thị L, ông Ngô Phước A thanh toán hết nợ gốc theo mức lãi suất 20%/năm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô Thị Bích T, ông Ngô Văn D, bà Nguyễn Thị L, ông Ngô Phước A phải nộp 12.221.370 (mười hai triệu hai trăm hai mươi một ngàn ba trăm bảy mươi) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Bùi Quốc K số tiền 3.550.000 (ba triệu năm trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0024591 ngày 19/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- CC Thi hành án dân sự TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Quốc Lưu

